

# Bộ lọc micro MS6-LFM-1/2-ARV

Số bộ phận: 530502

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Dòng                                                       | MS                                              |
| Kích thước                                                 | 6                                               |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ lọc sợi                                      |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 0.01 µm                                         |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | hoàn toàn tự động<br>quét thủ công              |
| Áp suất vận hành                                           | 0.2 MPA...1.2 MPA<br>2 bar...12 bar             |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:-:4]<br>Khí trơ |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [3:-:2]            |
| Lưu lượng tối đa bình thường cho cấp độ sạch của không khí | 900 l/ph                                        |
| Lưu lượng thông thường tối thiểu cho cấp độ sạch không khí | 135 l/ph                                        |
| Hiệu quả lọc                                               | 99.9999 %                                       |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 38 cm <sup>3</sup>                              |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Lồng bảo vệ bằng nhựa                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                               |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                  |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                  |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                  |
| Mức độ lọc, các hạt mịn                                    | 99.995 %                                        |
| MPPS                                                       | 0.05 µm                                         |
| Mức độ lọc MPPS                                            | 99.95 %                                         |
| Hàm lượng dầu dư                                           | 0.01 mg/m <sup>3</sup>                          |
| Mức độ lọc sol khí hơi dầu                                 | 99 %                                            |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:     |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                      |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/2                                            |

| Đặc tính             | Giá trị               |
|----------------------|-----------------------|
| Cổng nối khí nén 2   | G1/2                  |
| Vật liệu vỏ          | Nhôm đúc áp lực<br>PC |
| Vật liệu bộ lọc      | Sợi borosilicat       |
| Vật liệu cửa phốt    | NBR                   |
| Ghi chú vật liệu     | Tuân thủ RoHS         |
| trọng lượng sản phẩm | 600 g                 |